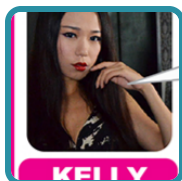


DIALOGUE 对话



KELLY

KELLY

wéi wǒ shì
喂，我是Kelly

Hi, This is Kelly.

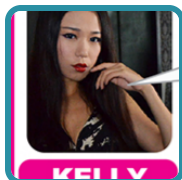
nǚ quán bǎo hù zǔ zhī
女权保护组织

Feminist Organization



BAMBOO

BAMBOO



KELLY

KELLY

shén me ? tīng bù qīng
什么？听不清

What? I can't hear you clearly.

zhè lǐ xìn hào hěn chà
这里信号很差

The signal here is really bad.



BAMBOO

BAMBOO

VOCAB 生词

	Chinese	English
1.	wéi 喂	hi (greeting on the phone)
2.	nǚ quán 女权	women's rights
3.	bǎo hù 保护	protection
4.	zǔ zhī 组织	organization
5.	qīng 清	clearly
6.	tīng bù qīng 听不清	can't hear clearly
7.	xìn hào 信号	signal
8.	chà 差	bad

PRACTICE 练习

wéi
喂
hi (greeting on the
phone)

喂	喂	喂	喂						
---	---	---	---	--	--	--	--	--	--

nǚ quán
女权
women's rights

女	女	女	女						
权	权	权	权						

bǎo hù
保护
protection

保	保	保	保						
护	护	护	护						

zǔ zhī
组织
organization

组组组组
织织织织

qīng
清
clearly

清清清清

tīng bù qīng
听不清
can't hear clearly

听听听听
不不不不
清清清清

xìn hào
信号
signal

信信信信
号号号号

chà
差
bad

差差差差

PRACTICE 练习

CHOOSE THE RIGHT ANSWERS

1. What do you say when you can't hear somebody clearly?

A

tīng bù qīng chu
听不清楚

B tīng bù dǒng
听不懂

C shén me
什么

D wéi
喂

2. Why couldn't Kelly hear clearly?

A xìn hào chà
信号差

B tā bù xǐ huan nǚ quán bǎo hù zǔ zhī
她不喜欢女权保护组织

C fáng jiān lǐ hěn chǎo
房间里很吵

D tā de ěr duo yǒu wèn tí
她的耳朵有问题

MATCH CHINESE WITH THE PICTURES

nǐ shuō shén me
你说什么？
wǒ tīng bù qīng
我听不清

xìn hào
信号

dòng wù bǎo hù
动物保护
zǔ zhī
组织



